TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ** ————	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ————————
Số: 361/2023/QĐST-HNGĐ	*Việt Trì, ngày 26 tháng 12 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 528/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A1, sinh năm 1983

Nơi ĐKHKTT: Khu 11, xã K, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Chỗ ở hiện nay: Khu Chung cư B, Khu 2, phường P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Nguyễn Thành C1, sinh năm 1981

Nơi ĐKHKTT: Khu 11, xã K, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị A1 và anh Nguyễn Thành C1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị A1 và anh Nguyễn Thành C1 thống nhất thỏa thuận: Giao cho chị A1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu: cháu Nguyễn Mai T2, sinh năm 19/06/2007 và cháu Nguyễn Thu H2, sinh ngày 05/10/2012 đến khi thành niên; Giao cho anh C1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Trung Hiếu, sinh ngày

18/11/2016 đến khi thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị A1 và anh Nguyễn Thành C1 thống nhất tự thỏa thuận. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A1 tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005720 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị A1 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- §-¬ng sù;
- VKSND tp Việt Trì;
- THA DS tp Việt Trì;
- UBND xã Đồng Văn, h. Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu: HS- VP.

ThÈm ph¸n

Phạm Hồng Vân